

Đức cha Lambert de la Motte

Năm 1659, Giáo Hội Việt Nam được thành lập qua sự kiện Toà Thánh thiết lập hai giáo phận Đàng Ngoài và Đàng Trong. Đàng Ngoài được tách khỏi giáo phận Macao và Đàng Trong tách khỏi giáo phận Malacca. Các giám mục người Pháp được sai đến điều hành hai giáo phận mới này với tư cách đại diện tông toà là Đức cha Pallu và Đức cha Lambert de la Motte. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, Toà Thánh thành lập hai giáo phận trong vùng đất đã được trao cho triều đình Bồ Đào Nha lo việc truyền giáo. Bồ Đào Nha không thể không phản đối quyết định của Toà Thánh. Từ đó, tình hình trở nên rất phức tạp và khó khăn, đặc biệt cho hai giám mục được sai đi.

Những trang dưới đây giới thiệu Đức cha Pierre Lambert de la Motte.

1, Tuổi trẻ.

Đức cha Pierre Lambert de la Motte chào đời ngày 28 tháng 01 năm 1624 tại Lisieux. Ngài là người con thứ hai và là trưởng nam trong gia đình. Chị ngài tên Marie, em gái cũng tên Marie và em trai tên Nicolas. Thân phụ ngài từ trần lúc ngài mới mười một tuổi rưỡi và thân mẫu ngài qua đời lúc ngài mười sáu tuổi.

Ngài là một cậu bé rất đạo đức mang khuynh hướng thần bí. Ngài kể rằng : « Lúc tôi lên chín tuổi, tại thành phố nơi tôi chào đời, một ngày nọ, khi tự hỏi nếu sau này tôi có thể đi tu như một vài vị tu sĩ nào đó không, thì tôi chợt nhận ra rằng tôi chẳng thấy vui thích gia nhập một nhà dòng nào, bởi vì các tu sĩ ấy xem ra không có một đời sống đủ hoàn thiện. Nhưng nảy ra trong tâm tư của tôi ý tưởng về một hạng người rất hợp với tôi vô cùng. Bị cuốn hút vào đó, tôi muốn theo cuộc sống của họ. Họ mang tên là Những Người Mến Thánh Giá. » (*AMEP, tập 116, tr. 559-560*)¹.

Sau thời gian học tập tại nhà do một giáo sĩ là gia sư riêng phụ trách, ngài theo học trường các cha dòng Tên tại thành phố Caen. Tốt nghiệp khoa luật, ngài vào làm việc tại Toà án Thuế vụ thành phố Rouen lúc 22 tuổi với chức vụ thẩm phán.

2, Thẩm phán.

Khi sống tại Rouen, « ngài dọn đến ở gần trường học của các cha dòng Tên. Cứ năm giờ sáng mỗi ngày, ngài đến nhà thờ của các cha để nguyện ngắm và đọc kinh nhật tụng theo lòng đạo đức riêng. Sau đó, ngài về nhà nghe các bên kiện cáo. Mỗi khi tới Tòa án Thuế vụ, ngài đều phải đi ngang qua nhà thờ chính tòa, ngài ghé vào dâng cho

¹ AMEP = Archives des Missions Étrangères de Paris, (thư khố của Hội Thừa Sai Paris).

Đức Mẹ những án xử mà ngài sắp giải quyết. Sau khi kết thúc phiên toà, trên đường về ngài cũng ghé vào dâng cho Đức Mẹ các án xử vừa thực hiện. » (*AMEP, tập 122, tr. 5*).

Tại Rouen, « ngài nhận sự hướng dẫn của cha Hayneuve dòng Tên. [...] Đó là vị linh hướng đầu tiên mà ngài đã chọn để làm thầy hướng dẫn đời sống Kitô hữu và tu đức cho ngài. » (*AMEP, tập 122, tr. 5*). Mỗi ngày ngài đều đến gặp gỡ và trao đổi với cha linh hướng.

Tuy nhiên, « lòng ngài có lẽ bị cuốn hút vào một dấu ấn bí ẩn nào đó mà ngài chưa nhận ra. Khoảng cuối năm 1654, Thiên Chúa đã soi dẫn ngài đến sống bên cạnh ông Jean de Bernières ở Caen. [...] Nhờ sự quan tâm của vị thầy tài năng này, ngài đã tiến những bước thật lớn trên con đường chiêm niệm, và ngài luôn tha thiết xin Chúa biểu lộ ra bậc sống nào Chúa muốn cho ngài đi theo. » (*AMEP, tập 122, tr. 5*). Lúc này, ngài đã ba mươi tuổi, em gái ngài đã lập gia đình từ chín năm trước, chị ngài cũng vừa lập gia đình, còn em trai ngài đã gia nhập hàng giáo sĩ.

Tại Caen, ngài đã vào hiệp hội Thánh Thể và hiệp hội Khổ Nhục Thánh do ông Bernières phụ trách.

3, Linh mục.

Khi sống bên cạnh ông Bernières, ngài được nghe nói về công cuộc truyền giáo bên xứ Canada và mong ước tham gia vào chương trình này. Mặc dù ngài chỉ là một giáo dân, thế nhưng người ta đã có ý đề cử ngài lên Toà Thánh để đặt ngài làm giám mục đại diện tông toà ở Canada. Lúc này, « lần đầu tiên ngài có sự thúc đẩy bên trong muốn lãnh nhận chức thánh, để có thể giúp đỡ các linh hồn ở đất nước mà ngài nghĩ là đang kêu gọi mình đến. » (*AMEP, tập 122, tr. 7*).

Ngài đi hành hương đền tội tại đền Đức Mẹ Notre Dame de la Délivrande, cách Caen 15 cây số. Ngài cảm thấy không còn muốn trở lại Rouen nữa. Ngày 30.04.1655, ngài từ chức tại Toà án Thuế vụ. Về Caen, ngài lại đi hành hương tại đền Đức Mẹ. Sau đó, ông Bernières dẫn ngài đi Paris để giới thiệu ngài với ban tổ chức truyền giáo Canada. Ngài ở lại Paris một tháng để chờ đợi quyết định, nhưng người ta vẫn chưa cho biết ngài có được nhận đi truyền giáo hay không. Ngài trở lại Caen và đi hành hương đền Đức Mẹ để xin ơn soi sáng.

Tại Caen, sau khi tĩnh tâm 30 ngày, ngài bắt đầu đi bộ, thực hiện cuộc hành hương tới thành phố Rennes, cách đó khoảng 180 cây số, « tin rằng việc này sẽ làm đẹp lòng Chúa, để chuẩn bị tâm hồn đón nhận các chức thánh mà ngài xét thấy mình thật không xứng đáng. » (*AMEP, tập 122, tr. 15*). Hoàn tất tuần cửu nhật bên mộ vị tu sĩ nổi tiếng thánh thiện Jean de Saint Samson tại tu viện Cát Minh thành phố Rennes, ngài đi bộ trở về Caen.

Khoảng cuối tháng 8 hay đầu tháng 9 năm đó, ngài được báo cho biết Canada không phải là nơi Thiên Chúa gọi ngài đến để phục vụ Giáo Hội. Ít lâu sau, nhân dịp đức giám mục giáo phận Bayeux tới Caen, ngài xin chịu phép cắt tóc gia nhập hàng giáo sĩ và bốn chức nhỏ là giữ cửa, đọc sách, trừ quỷ và giúp lễ. Từ Caen, ngài đi bộ tới chủng viện của thánh Jean Eudes tại Coutances và ở lại đó 40 ngày dọn mình chịu chức linh mục. Sau đó, ngài đi ngựa trở lại Caen, rồi tới Bayeux lãnh nhận chức phụ

phó tế cùng với nhiều thầy khác vào khoảng giữa tháng 12 và ngày 21.12, ngài lãnh nhận chức phó tế. Ngày 27.12, lễ thánh Gioan Thánh Sứ, ngài lãnh nhận chức linh mục tại nhà thờ chính toà Bayeux. Và ngài trở lại Caen vào ngày cuối năm.

(Năm 1655, cha Lambert được 31 tuổi, ông Bernières 53 tuổi và thánh Jean Eudes 54 tuổi).

4. Giám đốc.

Ngày 08.02.1656, cha Lambert dâng thánh lễ mở tay tại nhà nguyện chủng viện của thánh Jean Eudes thành phố Coutances. Cả ngày hôm đó ngài có một linh cảm rất kỳ lạ :

« Tình yêu mà Thiên Chúa đã khằng ban cho tôi hôm nay đang cháy bùng lên trong lòng khi tôi cử hành thánh lễ và sau thánh lễ, như muốn lôi kéo tôi đến với các dân tộc chưa hề biết Chúa, hơn là đến với các dân tộc đã biết Người. Có lẽ tôi cần phải tìm kiếm bên kia bờ đại dương, những người mù loà tội nghiệp mà Thiên Chúa muốn kéo ra khỏi tối tăm, nhờ công nghiệp Máu Thánh Chúa Kitô đã đổ ra chung cho mọi người.

Đó là một linh cảm rất rõ ràng do chính tay ngài đã viết ra vào ngày ngài cảm nhận như trên, nghĩa là vào lúc người ta bảo ngài đừng nghĩ đến Canada nữa, và vào lúc ngài chưa thể nào nghĩ đến vùng Ấn Độ Dương, là nơi Thiên Chúa đã định sẵn cho ngài sau này, cũng như ngài không hề hay biết, hoặc cho tới lúc đó chưa có ai có ý định cử ngài đi vùng Ấn Độ Dương. » (*AMEP, tập 122, tr. 29*).

Trở lại Caen, ngài nhận được thư mời giữ chức giám đốc cơ quan từ thiện tại Rouen khiến ngài rất phân vân, vì ngài không hề nghĩ tới điều này. Chính vì vậy, ngài đã đi hành hương hai lần tại đền Đức Mẹ, làm hai tuần cử nhật xin ơn soi sáng, và cuối cùng ngài đã nhận lời. Sau đó, ngài trở lại đền Đức Mẹ để cầu nguyện và lên đường đến Rouen.

Tại trung tâm từ thiện Rouen, « mỗi ngày ngài thường bớt giờ ngủ để dành 4 hoặc 5 tiếng đồng hồ lo nguyện ngắm. Thời gian buổi sáng là để chuẩn bị cử hành thánh lễ. [...] Buổi chiều tối như đóng dấu ấn cuối ngày cho mọi bận rộn thánh thiện của một ngày, và ngài luôn đến trước Thánh Thể để kết thúc. Ngài ngủ đã ít, ăn lại càng ít hơn. Bữa trưa gần như là bữa ăn duy nhất của ngài, vì tối đến ngài ăn rất ít để tâm trí thanh thoi hơn, và để dễ học thần học kinh viện mà ngài đã quy định thời gian vào buổi chiều tối, khi không có ai đến bàn công việc. Ngài học thần học dưới sự hướng dẫn của một linh mục khôn ngoan và đạo đức người Ái Nhĩ Lan. Vị linh mục này dạy thần học ở đại học Paris, đã đến Rouen để giúp ngài. » (*AMEP, tập 122, tr. 44*).

Ngài gia nhập nhiều hội đoàn đạo đức, đặc biệt là hiệp hội Thánh Mẫu của dòng Tên và hội dòng ba Bé Mọn. Trở lại Rouen lần này, vị linh hướng của ngài là cha Simon Hallé, tu sĩ dòng Bé Mọn. Tuy nhiên, vị linh hướng đầu tiên là cha Hayneuve dòng Tên vẫn tiếp tục giúp ngài mỗi khi ngài cần.

5, Chương trình truyền giáo Việt Nam.

Ngài đi Paris và lưu lại đây gần ba tháng để xin trợ cấp cho trung tâm từ thiện xã hội. Ngài tới thăm em trai Nicolas đang sống chung với nhóm « Các Bạn Hiền ». Nhân dịp

này, ngài khám phá ra chương trình truyền giáo Việt Nam mà trước đây ngài không hề hay biết. Quả thực, trước đó, từ năm 1652 đến năm 1654, khi cha Đắc Lộ ở Paris vận động cho chương trình gửi các giám mục sang Việt Nam, thì ngài vẫn đang làm thẩm phán tại Rouen.

Khám phá trên có lẽ đã xảy ra vào khoảng tháng 05.1657, lúc năm linh mục trong nhóm « Các Bạn Hiền » đang ở Marseille chờ tàu sang Rôma, để khẩn xin Đức Giáo Hoàng lấy lại chương trình truyền giáo Việt Nam của cha Đắc Lộ ngày trước.

Sau khi về Rouen, do sự khuyến khích của cha linh hướng Simon Hallé, ngài trở lại Paris gặp ban tổ chức truyền giáo Việt Nam và ngỏ ý xin được gia nhập đoàn thừa sai. Ngài lại còn muốn dâng hiến tất cả gia sản của mình vào việc truyền giáo này. Ngài đã quyết định lên đường sang Rôma theo chỉ dẫn của cha linh hướng. « Hai ngày trước khi ngài khởi hành, người ta mời ngài tham dự một hội nghị truyền giáo. Trong hội nghị, người ta đã nêu lên nhu cầu cần ba vị giám mục, một cho Trung Hoa, một cho xứ Đàng Ngoài và một cho xứ Đàng Trong. Ngài rất ngạc nhiên là sau khi người ta đề nghị nhân vật thứ nhất là một linh mục đạo đức, tiến sĩ đại học Sorbonne, công trạng lừng danh, người ta đã đặt ngài làm nhân vật thứ hai ngay trước sự hiện diện của ngài. » (*AMEP, tập 122, tr. 83*).

Mấy tháng sau, ngày 18.11.1657, ngài tới Rôma và gặp gỡ đoàn năm linh mục người Pháp do cha Vincent de Meur đứng đầu. Họ cho ngài biết Đức Giáo Hoàng Alexandre VII đã lập ra một ủy ban đặc biệt trong Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin, để lo chương trình gửi các giám mục sang Việt Nam và Trung Hoa. Nhưng mãi đến thời điểm này chương trình vẫn không tiến triển được như họ mong đợi. Với kinh nghiệm của một vị thẩm phán, cha Lambert đã nhìn ra được vấn đề và không ngần ngại lấy chính sản nghiệp của mình làm bảo chứng hầu công việc được xúc tiến tốt đẹp. Cuối năm đó, bốn linh mục trở về Pháp. Cha Pallu và cha Lambert ở lại Rôma cùng soạn thảo dự án thành lập một chủng viện, chuyên về việc truyền giáo hải ngoại trong tương lai (chủng viện Hội Thừa Sai Paris được thành lập năm 1663). Năm 1658, cha Pallu ở lại Rôma còn cha Lambert về Pháp. Ngài tới Paris ngày 20.04, năm ngày sau ngài trở về Rouen.

6, Hai năm cuối ở Pháp.

Tại Rouen, ngài tiếp tục những công việc như trước. Đặc biệt, với sự đồng ý của đức tổng giám mục tại đây, ngài cho xây dựng một chủng viện. Công việc này cần phải hết sức tế nhị vì những chống đối của các giáo sĩ địa phương theo giáo thuyết Giăng Xê. Sau khi hoàn tất việc xây dựng, ngài đã trao quyền điều hành chủng viện cho thánh Jean Eudes và các tu sĩ của thánh nhân. Song song với việc điều hành trung tâm từ thiện, ngài còn lo hoàn lương các phụ nữ trụy lạc, giúp hoà giải những vụ kiện tụng trong giới tu sĩ và giáo sĩ hay các gia đình vị vọng, góp phần vào việc canh tân các dòng tu tại địa phương, v.v.

Giữa lúc đang bận rộn muôn vàn công việc, ngài được thông báo cho biết Đức Giáo Hoàng Alexandre VII đã chọn ngài làm Giám mục hiệu toà Béryte. Ngài cảm thấy ái ngại vì chức vị giám mục quá cao trọng và vinh dự đối với ngài. Tuy nhiên, ngài cũng chưa biết rõ Toà Thánh đặt ngài lên chức vị giám mục để làm gì. Hơn một năm sau, ngày 09.09.1659, sắc lệnh « Super Cathedram » chỉ định ngài làm đại diện tông toà xứ Đàng Trong. Rồi đầu năm sau, ngài nhận được một huấn thị của Thánh Bộ Truyền Bá

Đức Tin xác định rõ sứ mệnh thừa sai, công tác phải làm, lộ trình nên theo và cách thức cần giữ, v.v.

Đầu tháng 06.1660, ngài rời Rouen đi Paris. Tại Paris, ngày 11.06, ngài chịu chức giám mục ở nhà nguyện Sainte Marie của dòng Thăm Viếng. Lúc này, ngài được 36 tuổi.

7, Hành trình sang Á Đông.

Ngày 18.06.1660, Đức cha Lambert rời Paris lên đường truyền giáo cùng cha Bourges và một người giáo dân. Khi tới thành phố Lyon, ngài ngã bệnh và nằm liệt giường suốt 51 ngày. Ngày 02.09, tạm khỏi bệnh, ngài rời Lyon đi Avignon rồi tới Marseille. Lúc này, có cha Deydier đến nhập đoàn. Đức cha cho người giáo dân trở về vì thấy anh không có ơn gọi thừa sai. Tại hải cảng Marseille, ngày 27.11, Đức cha Lambert cùng hai thừa sai rời nước Pháp. Các ngài đi theo lộ trình mà Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin đã đề nghị.

Sau khi vượt biển Địa Trung Hải, các ngài bắt đầu con đường bộ xuyên qua các miền đất Hồi giáo vùng Cận Đông. Ngày 12.06, các ngài tới Ispahan, kinh đô xứ Ba Tư, và lưu lại đây hơn ba tháng, sau đó tiếp tục cuộc hành trình. Ngày 28.12, các ngài tới Surate, xứ Ấn Độ. Sau một tháng nghỉ ngơi, các ngài đi bộ xuyên bán đảo Ấn Độ, rồi đi bằng đường biển sang Xiêm La, cập hải cảng Mergui. Từ đó, các ngài đi ngược lên phía Bắc. Ngày 22.08.1662, ba thừa sai đặt chân tới Ayutthaya, kinh đô xứ Xiêm La. Cuộc hành trình từ Paris tới Ayutthaya kéo dài 2 năm và 2 tháng.

8, Tại Ayutthaya.

Đức cha Lambert và hai thừa sai Pháp cư ngụ trong khu người Bồ Đào Nha. Việc đầu tiên là các ngài nghỉ ngơi và tĩnh tâm, sau đó lo học tiếng Trung Hoa và Việt Nam. Khi đi tìm người dạy ngôn ngữ, các ngài khám phá ra khu Việt kiều tại Ayutthaya có gần một trăm người, ông trưởng khu và khoảng bốn mươi người trong họ là người có đạo. Điều này đã làm Đức cha Lambert hết sức vui mừng. Ngài đến dâng lễ đêm Giáng Sinh tại khu vực của họ và ban « một huấn từ ngắn bằng tiếng Bồ Đào Nha, được một người trong nhóm Việt kiều thông dịch lại. » (*AMEP, tập 121, tr. 632*). Mấy ngày trước lễ Giáng Sinh, đã có lệnh của vị phó vương Bồ Đào Nha từ Goa truyền tới phải tìm đủ mọi cách ngăn cản các thừa sai người Pháp đến nơi truyền giáo của họ. Người Bồ Đào Nha tại Xiêm La đối thiện cảm thành ác cảm, vì thế các thừa sai người Pháp phải bỏ khu người Bồ Đào Nha sang cư ngụ bên khu Việt kiều.

Các ngài lo việc mục vụ cho Việt kiều, dạy giáo lý mỗi tuần ba lần. Đức cha Lambert bỏ tiền ra dựng một nhà thờ và một nhà xứ trong khu Việt kiều, ngài dâng nhà thờ này cho thánh Giuse. Ngày 12.07.1663, Đức cha và cha Deydier rời Ayutthaya đi Trung Hoa bằng đường biển. Tàu gặp bão ngoài khơi Cam Bốt, mọi người phải quay trở lại Ayutthaya.

Vào thời điểm này, tại Ayutthaya có khoảng 2.000 người công giáo, bốn tu sĩ dòng Tên, ba tu sĩ dòng Đa Minh, hai tu sĩ dòng Phanxicô, bốn linh mục triều và các thừa sai Pháp.

Đức cha Lambert sai cha Bourges về Âu châu, và ngày 14.10, cha đã rời Ayutthaya. Sau đó, ngài và cha Deydier lần lượt tĩnh tâm 40 ngày. Khoảng cuối năm này, Đức cha

Lambert đã cầu nguyện cho em bé Antôn được khỏi bệnh. Chứng kiến sự kiện ngoại thường trên, cha mẹ em bé và vài người khác nữa đã xin trở lại đạo.

9, Công đồng Ayutthaya.

Ngày 27.01.1664, Đức cha Pallu cùng bốn linh mục và một giáo dân tới Ayutthaya. Sau những ngày gặp gỡ vui mừng và nghỉ ngơi, các ngài dâng lễ cầu hồn cho những thừa sai đã từ trần trên đường sang Á Đông. Ngày 29.02.1664, các ngài khai mạc công đồng tại nhà thờ Thánh Giuse trong khu Việt kiều. Đức cha Lambert cho biết : « Chúa Quan Phòng đã muốn chúng tôi cùng quyết định nhiều vấn đề vì ích lợi việc truyền giáo và để chúng tôi thống nhất với nhau cách sống. » (*AMEP, tập 858, tr. 72*). Mọi kết quả của công đồng đều do Tòa Thánh quyết định, nên Đức cha Pallu đã tự nguyện trở về Âu châu để trình lên Tòa Thánh các văn kiện của công đồng Ayutthaya.

Phát xuất từ lòng đạo đức và kinh nghiệm riêng, Đức cha Lambert đã thâm tín rằng cần phải lập một hội dòng truyền giáo với kỷ luật nghiêm ngặt hơn, để việc rao giảng Tin Mừng đạt hiệu quả. Ngài thuyết phục Đức cha Pallu và các thừa sai họp thành một dòng tu mang tên « Hội Dòng Tông Đồ ». Các thành viên tuân giữ ba lời khấn không những bề ngoài mà cả bề trong, họ giữ một đời sống khắc khổ như : nguyện ngắm ba giờ mỗi ngày ; ăn chay và kiêng thịt quanh năm trừ ba ngày lễ Giáng Sinh, Phục Sinh và Hiện Xuống ; bệnh không dùng thuốc ; ngủ trên nền cứng, v.v. Ngày 06.01.1665, Đức cha Pallu và Đức cha Lambert cùng hai thừa sai Deydier và Laneau tuyên khấn vào Hội Dòng Tông Đồ. (*Tuy nhiên, năm 1669, Tòa Thánh đã không cho phép thành lập Hội Dòng Tông Đồ và vô hiệu hoá lời khấn của các ngài*).

10, Xây chủng viện.

Sau khi Đức cha Pallu và ông giáo dân Chamesson rời Ayutthaya lên đường trở về Âu châu, Đức cha Lambert và các thừa sai Pháp tiếp tục công việc dạy giáo lý cho giáo dân, giảng đạo nơi các làng mạc chung quanh kinh đô và thăm viếng tù nhân. Vua Xiêm La lúc đó là vua Phra-Narai, một người cấp tiến và rất thích Tây phương. Vì muốn biết về các thừa sai Pháp, vua phái một vị quan tới thăm hỏi các ngài. Trở về, ông phúc trình lên vua việc các thừa sai tự nguyện dạy dỗ giới trẻ. Vì vậy vua gửi 10 thiếu niên Xiêm La tới các thừa sai để chúng được học hỏi các môn khoa học Tây phương. Nhân cơ hội này, Đức cha Lambert dâng lên vua một thỉnh nguyện thư, xin được lập một nhà trường tại kinh đô hay nơi nào nhà vua chỉ định.

Đầu năm sau (1666), vua đã hồi đáp lá thư của Đức cha Lambert bằng việc ban cho các thừa sai Pháp một khu đất kế cận khu Việt kiều. Vua còn hứa sẽ ban vật liệu giúp xây một nhà thờ nữa, (ngôi nhà thờ này sẽ được Đức cha Pallu làm lễ đặt viên đá đầu tiên vào năm 1683). Năm 1667, các thừa sai Pháp bắt đầu xây dựng chủng viện Thánh Giuse tại khu đất vua ban. Đó là một ngôi nhà hai tầng, tầng trên bằng gỗ làm nhà nguyện, tầng dưới bằng gạch làm phòng ở cho các thừa sai.

11, Bị vạ tuyệt thông.

Từ năm 1665, cha Brindeau đã sang Macao, cha Hainques sang Đàng Trong và cha Chevreuil sang Cam Bốt. Còn lại bên cạnh Đức cha Lambert là cha Deydier và cha Laneau. Giữa những thừa sai thuộc chế độ bảo trợ truyền giáo Bồ Đào Nha và các thừa sai Pháp khó có sự hoà hợp. Năm 1666 đã xảy ra một chuyện như sau :

Chúa Nhật ngày 02.05, Đức cha Lambert ban phép Thêm Sức tại nhà thờ Thánh Giuse. Cha Fragoso, tu sĩ dòng Đa Minh người Bồ Đào Nha, dẫn một ông giàu có xứ Macao tới chịu phép Thêm Sức và cha làm người đỡ đầu (điều mà giáo luật lúc đó không cho phép). Nhưng Đức cha Lambert đã ban phép chuẩn cho vị tu sĩ này được đỡ đầu để tránh những chuyện phiền phức. Mấy hôm sau, cha Fragoso gửi cho các thừa sai Pháp cuốn sách của một linh mục tiến sĩ thần học dòng Tên, cha Quintanadvenas. Cuốn sách ghi rõ đặc quyền của các tu sĩ được làm cha đỡ đầu trong phép Thêm Sức tại các miền truyền giáo, (đặc quyền này đã bị thu hồi từ lâu rồi mà cha Fragoso chưa hay biết). Mấy ngày sau, Đức cha Lambert ra thông cáo kết án hai luận đề thần học trong cuốn sách nói trên. Cha Fragoso phản ứng bằng cách yêu cầu Đức cha Lambert xuất trình bài sai giám mục, nhưng ngài từ chối vì cho rằng cha Fragoso không có quyền trên ngài là một giám mục.

Sau vụ việc trên, cha Deydier rời Ayutthaya sang Đàng Ngoài, chỉ còn lại cha Laneau bên cạnh Đức cha Lambert.

Cuối tháng 11, cha Fragoso một lần nữa lại yêu cầu Đức cha Lambert xuất trình bài sai. Nhưng ngài chỉ gửi cho cha Fragoso một bản sao lá thư mà ngài vừa nhận được từ vị tổng quản toà giám mục Malacca, là bề trên trực tiếp của cha này. Lá thư nhìn nhận Đức cha là giám mục và đại diện tông toà. Ngày 02.12, cha Fragoso với tư cách ủy viên toà án tôn giáo tại Goa đã ra vạ tuyệt thông chống Đức cha Lambert và các thừa sai người Pháp. Đức cha Lambert phúc trình chuyện này về Toà Thánh, ngài đã không hề ra vạ tuyệt thông chống lại cha Fragoso.

(Năm 1671, Toà Thánh lên tiếng công nhận bản kết án của Đức cha Lambert về hai luận đề thần học của cha Quintanadvenas, và tuyên bố vạ tuyệt thông của cha Fragoso là vô hiệu và hoàn toàn bất thành).

12, Truyền chức linh mục bản xứ.

Nhiệm vụ chính mà Toà Thánh trao cho các giám mục người Pháp khi sai các ngài sang Á Đông là thiết lập hàng giáo sĩ bản xứ. Năm 1668, sáu năm sau khi tới Xiêm La, ngày 31.03, Đức cha Lambert truyền chức linh mục cho thầy Giuse Trang người Đàng Trong và thầy François Pérez người Xiêm La gốc Bồ Đào Nha (sau này trở thành giám mục Đàng Trong). Tháng 6 năm đó, ngài truyền chức linh mục cho hai thầy người Đàng Ngoài là Bênêđictô Hiền và Gioan Huệ.

Ngày 08.05.1668, một phái đoàn Đàng Trong đã đưa thuyền bầu sang Xiêm La rước Đức cha Lambert về giáo phận của ngài, nhưng ngài vẫn chưa thể đi được. Đầu năm sau, ngày 05.01.1669, Đức cha Lambert cùng cha Giuse Trang và thầy Luca Bền người Đàng Trong đi tới Piplly (cách Ayutthaya khoảng 50 dặm về phía Nam) để tìm đường sang Đàng Trong bằng con thuyền của phái đoàn giáo phận Đàng Trong. Tới

Piply, họ gặp cha Bourges và các tân thừa sai từ Pháp sang. Sau khi bàn luận với nhau, các thừa sai xin Đức cha Lambert ở lại Xiêm La để điều hành chung công cuộc truyền giáo miền Á Đông. Vào thời điểm này, Đức cha truyền chức linh mục cho thầy Luca Bền. Sau đó, tân linh mục cùng cha Giuse Trang và thừa sai Brindeau sang Đàng Trong. (Trước đây, cha Brindeau sang Macao đã bị người Bồ Đào Nha bắt đem về xét xử tại toà án Goa, sau khi được trả tự do, ngài đã theo đoàn thừa sai của cha Bourges trở lại Xiêm La).

(Hiện đệ của Đức cha Lambert, linh mục Nicolas Lambert de la Boissière, đã rời nước Pháp cùng cha Bourges sang truyền giáo bên Á Đông, nhưng ngài ngã bệnh và từ trần dọc đường, ngày 24.06.1666).

13, Đi Đàng Ngoài.

Cuối tháng 04.1669, con tàu buôn của thương nhân người Pháp tên Junet cập bến Ayutthaya để tránh mùa giông tố. Nhân dịp này, Đức cha Lambert đã thuyết phục ông ta thực hiện chuyến đi sang Đàng Ngoài. Ngày 16.07, Đức cha cùng hai cha Bourges và Bouchard lên tàu ông Junet đi xứ Đàng Ngoài. Ngày 30.08, con tàu đến cửa biển Đàng Ngoài.

Tại Đàng Ngoài, Đức cha Lambert thành lập hiệp hội Các Tín Hữu Nam Nữ Mến Thánh Giá mà ngài đã có sáng kiến và soạn thảo quy luật từ tháng 8 năm 1668 ở Ayutthaya. Tiếp theo, ngài truyền chức linh mục cho các thầy giảng « Mạt-tinh Nho, An-tôn Văn Quế, Phi-li-phê Văn Nhân, Si-mông Kiên Sơn, Gia-cô-bê Văn Chiêu, Vi-tô Văn Trí và Lê-ong Văn Trung » (*Archivio Storico di Propaganda Fide, SOCP, tập 3, tr. 162r-163r*).

Ngày 14.02.1670, ngài triệu tập công đồng tại Phố Hiến. Đây là công đồng Đàng Ngoài I, với mục đích đưa giáo phận Đàng Ngoài khỏi quyền bảo trợ truyền giáo của Bồ Đào Nha và hiệp thông trực tiếp với Toà Thánh Rôma. (Văn kiện công đồng được Toà Thánh long trọng nhìn nhận vào năm 1673 và được thực hiện qua nhiều thế hệ tại các giáo phận miền Bắc Việt Nam). Sau công đồng, ngày 19.02, ngài thành lập dòng nữ Mến Thánh Giá bằng việc nhận lời khấn của hai nữ tu đầu tiên là chị Anê và chị Paula tại Phố Hiến. Sau đó, con tàu đưa ngài ra cửa biển.

(Hiệp hội Các Tín Hữu Nam Nữ Mến Thánh Giá và dòng nữ Mến Thánh Giá được Đức Giáo Hoàng Innôxentê XI công nhận qua sắc lệnh « Cum Sicut » ngày 02.01.1679).

14, Đi Đàng Trong lần thứ nhất.

Hơn một năm sau chuyến đi Đàng Ngoài, Đức cha Lambert nhận được một tin buồn khiến ngài thêm lo lắng cho giáo phận của mình. Đó là cả hai thừa sai Pháp tại Đàng Trong đã từ trần cách đột ngột. Cha Hainques qua đời tháng 12.1670 và cha Brindeau ba tuần sau đó. Giáo dân đau buồn, bàng hoàng và lo sợ. Họ viết thư báo tin cho ngài và xin ngài giúp đỡ. Họ lại còn cử một đoàn người đại diện sang gặp ngài, gồm cha Giuse Trang và cha Luca Bền với hai thầy giảng. Bốn vị này cùng với vài giáo dân đi con thuyền nhỏ tới Xiêm La ngày 08.05.1671. Sau khi biết rõ tình hình, ngày 20.07

Đức cha Lambert đích thân sang Đàng Trong bằng chính con thuyền nhỏ ấy, mang theo cha Vachet và cha Mahot là hai thừa sai Pháp mới đến Ayutthaya. Sau nhiều gian nan, thoát được bão tố và cướp biển, con thuyền đến vùng biển Nha Trang. Đức cha Lambert vào làng Lâm Tuyên ngày 01.09 lúc trời đã tối.

Ngài lưu lại đây vài ngày, sau đó lên đường hướng về Hội An, còn cha Mahot và cha Luca Bền ở lại. Đức cha kể là khi tới Nha Ru ngài rơi vào « một cơn bệnh rất hiểm nghèo, do ý muốn của Thiên Chúa, bị liệt giường ròng rã khoảng 5 hay 6 tuần lễ » (*AMEP, tập 876, tr. 690*). Nhưng theo tường thuật của cha Vachet, Đức cha và cha Vachet đã bị ông quan tại đây đầu độc. Lúc tạm bình phục, ngài nằm vờng tới Nước Mặn và mừng lễ Các Thánh Nam Nữ tại giáo xứ này. Sau lễ, ngài tiếp tục đi tới Quảng Ngãi. Ngài tạm trú nơi nhà bà quả phụ Lucia Kí (67 tuổi) tại giáo xứ An Chi. Ngài phải ở lại đây khá lâu vì ngài còn rất yếu, phần vì có tin đồn bắt đạo.

Vào dịp này, ngài nghe nói có một số thiếu nữ tự nguyện sống khiết tịnh vì Nước Trời nên đã từ chối hôn nhân. Ngài cho người đi tìm kiếm các thiếu nữ này và mời họ tới gặp ngài. Có tám thiếu nữ tới, trong đó người lớn nhất khoảng 24 hay 25 tuổi, và ngài đã xem xét ơn gọi của họ. Với sự giúp đỡ tích cực của bà Lucia Kí, ngài đã lập nhà dòng Mến Thánh Giá tại Đàng Trong vào những ngày trước lễ Giáng Sinh năm 1671. Cha Vachet còn cho biết người đứng đầu nhà dòng này là em gái cha Giuse Trang, 30 tuổi.

Rời Quảng Ngãi, trên đường đến Hội An, Đức cha Lambert tới viếng mộ cha Hainques và cha Brindeau. Ngày 19.01.1672, tại một hòn đảo gọi là Chiêm Bông, ngài triệu tập công đồng Hội An I. Văn kiện công đồng gồm 10 điều khoản nhằm tổ chức giáo phận theo ý Toà Thánh, và biệt lập khỏi quyền bảo trợ truyền giáo Bồ Đào Nha. Sau công đồng, Đức cha lưu lại Hội An gần một tháng, rồi cùng cha Vachet đi bằng đường biển trở về Nha Trang. Thuyền gặp giông bão nên không thể vào đất liền được. Vì vậy, ngày 26.03, Đức cha quyết định cho thuyền ra khơi trở về Xiêm La. Trên chuyến trở về này, ngài còn mang theo mười thiếu nhi người Đàng Trong.

Một tháng sau, đoàn về tới nơi. Lúc này sứ thần Đàng Trong đang ở Ayutthaya, ông vô tình gặp con thuyền của Đức cha trở về. Ông ta rất giận dữ vì biết Đức cha đã ra vào Đàng Trong cách lén lút, còn đem thần dân Đàng Trong sang Xiêm La cách bất hợp pháp. Đức cha nhận thấy tình hình bất lợi, và để tránh hậu quả đáng tiếc có thể xảy ra nên đã hứa với ông ta là sẽ cho người sang triều đình Đàng Trong để trình bày rõ sự việc.

15, Với vua Xiêm La.

Trước khi sang Đàng Trong, Đức cha Lambert đã nhận được sắc lệnh « *Speculatores* » của Đức Giáo Hoàng Clémentê IX. Sắc lệnh yêu cầu tất cả các thừa sai, khi làm việc tại nơi nào đã được trao cho các đại diện tông toà đều phải tuyên thệ vâng lời các ngài, thừa sai nào không vâng lời sẽ bị vạ tuyệt thông.

Từ năm 1669, Toà Thánh đã đặt Xiêm La dưới quyền cai quản của các đại diện tông toà người Pháp. Ngày 06.11.1672, tức sáu tháng sau khi đi Đàng Trong về, Đức cha Lambert công bố sắc lệnh này tại Ayutthaya. Nhưng các thừa sai dòng Tên và dòng Đa Minh đang hiện diện tại Ayutthaya đều công khai từ chối vâng phục, với lý do sắc lệnh

không thông qua triều đình Bồ Đào Nha và họ chưa nhận được chỉ thị của bề trên riêng của họ. (Vài năm sau, Đức Giáo Hoàng Clémentê X ký sắc lệnh « Decet Romanum » (1673) tái xác nhận sắc lệnh « Speculatores » và tuyên bố thu hồi lại tất cả mọi ưu quyền đã trao ban trước đây tại những nơi mà hiện nay các đại diện tông toà đang quản nhiệm).

Cũng trong năm 1672, tại Ayutthaya, Đức cha Lambert đã xây một nhà thương và thành lập một nhà dòng Mến Thánh Giá với 4 hay 5 nữ tu đầu tiên là người Việt kiều gốc Đàng Trong.

Dù luôn bị chống đối bởi các thừa sai thuộc chế độ Bồ Đào Nha, Đức cha Lambert vẫn kiên trì thực thi sứ mệnh đã nhận từ Toà Thánh. Ngài sai cha Bouchard sang Manila mời các cha Đa Minh người Tây Ban Nha cộng tác truyền giáo (năm 1676, các cha Đa Minh tới làm việc tại Đông Đàng Ngoài). Đầu năm 1673, ngài truyền chức cho vị linh mục thứ ba người Đàng Trong là thầy Manuel Bôn, một người có nhiều khả năng giảng thuyết. Bên cạnh đó, để giữ lời đã hứa với sứ thần Đàng Trong, ngài sai cha Vachet đem thư và quà sang dâng chúa Nguyễn.

Ngày 27.05.1673, Đức cha Pallu trở lại Ayutthaya lần thứ hai, mang theo lá thư của vua Louis XIV nước Pháp và lá thư của Đức Giáo Hoàng Clémentê IX gửi vua Xiêm La. Ngày 18.10, triều đình Xiêm La đã tổ chức một buổi lễ long trọng để tiếp các giám mục người Pháp và đón nhận hai lá thư trên. Từ ngày đó, mối liên hệ giữa vua Phra-Narai và Đức cha Lambert ngày thêm gần gũi. Nhà vua có ý nối kết bang giao với nước Pháp qua trung gian và cố vấn của Đức cha Lambert. Vua dự tính khi chiến tranh giữa Pháp và Hoà Lan chấm dứt, sẽ nhờ Đức cha dẫn đầu sứ bộ sang Pháp và Rôma.

Cũng năm này, Đức cha Lambert và Đức cha Pallu đã chọn thừa sai Laneau lên làm giám mục thay Đức cha Cotelendi đã từ trần trên đường sang Á Đông. Lễ truyền chức giám mục được Đức cha Lambert cử hành ngày 25.03.1674.

Ngày 21.08.1674, Đức cha Pallu rời Xiêm La đi Đàng Ngoài. Con tàu chở ngài bị bão đẩy vào Phi Luật Tân. Ngài bị chính quyền Tây Ban Nha tại đây bắt giữ, họ cáo tội ngài đi truyền giáo không có phép của triều đình Tây Ban Nha. Họ đưa ngài về Madrid xét xử.

16, Với chúa Nguyễn.

Cha Vachet vừa tới Hội An thì ngã bệnh. Cha Mahot và cha Manuel Bôn phải thay cha Vachet mang thư và quà của Đức cha Lambert dâng cho chúa Nguyễn tại Huế. Nhận được thư và quà, chúa Nguyễn có vẻ rất hài lòng và tuyên bố tự do cho dân được theo đạo công giáo. Hơn nữa, nhà chúa còn mời Đức cha Lambert sang Đàng Trong và cho phép ngài tự do giảng đạo, đồng thời được dựng nhà định cư tại Hội An hay nơi nào gần đó.

Khoảng tháng 02.1674, tin này tới tai vua Phra-Narai, vua tỏ ra không vui vì vua không muốn Đức cha Lambert bỏ Xiêm La sang Đàng Trong. Nhân cơ hội này, Đức cha Lambert đã xin vua Xiêm La ban thư cho phép các thần dân được tự do theo đạo công giáo như chúa Nguyễn đã cho phép tại Đàng Trong, thì ngài sẽ lưu lại Xiêm La « cho tới mãn đời để phụng sự Thiên Chúa và Đức Vua » (*AMEP, tập 877, tr. 534*). Nhưng vua trả lời rằng ngài không thể làm một việc trái với truyền thống của đất nước

như vậy. Dẫu thế, vua cũng ban giấy thông hành cho Đức cha Lambert sang Đàng Trong, với điều kiện năm sau phải trở lại Xiêm La. Vua còn gửi thư cho chúa Nguyễn để xin cho Đức cha Lambert được về Xiêm La sau chuyến viếng thăm Đàng Trong.

Chúa Nguyễn đã cho cha Mahot và cha Vachet lên tàu buôn của triều đình đi đón Đức cha Lambert sang Đàng Trong. Hai cha tới Ayutthaya ngày 16.04.1675. Đến lúc này, Đức cha Lambert mới biết tin cha Giuse Trang đã qua đời.

Ngày 23.07, Đức cha Lambert và cha Mahot rời Ayutthaya theo đường sông tới cảng Băng Cốc nơi cha Vachet đang chờ các ngài. Từ Băng Cốc, các ngài lên tàu buôn của chúa Nguyễn đi Đàng Trong.

17, Đi Đàng Trong lần thứ hai.

Ngày 06.09, con tàu chở các ngài tới Hội An. Một tuần sau, Đức cha cùng các cha Vachet, Courtaulin và Manuel Bôn đến triều đình Huế. Ngài lưu lại Huế một tháng trời, nhưng không được vào triều yết chúa Nguyễn, bởi vì nhà chúa mới mất người con trai thứ nên không tiếp ngoại kiều.

Tại Huế, Đức cha sai cha Vachet đem sắc lệnh « Speculatores » thông báo cho hai cha dòng Tên Candone và Acosta, nhưng hai cha này từ chối vâng phục. Vì vậy, theo chỉ thị của sắc lệnh, ngài đã ra vạ tuyệt thông cho hai cha này. Rời Huế, ngài trở lại Hội An. Ở đây, ngài tiếp đón giáo dân từ khắp nơi đến thăm và ban bí tích Thêm Sức cho họ. Đầu tháng 12, ngài đi thăm Quảng Ngãi. Đặc biệt tại giáo xứ Bàu Tây có một nhà dòng Mến Thánh Giá đang phát triển. Ngài để ra hai ngày thăm hỏi và gặp gỡ từng nữ tu. Sau đó, ngày 13.12.1675, ngài cho bốn nữ tu được tuyên khấn trong thánh lễ do ngài cử hành. Ngài viết lại công thức khấn : « Tôi là Anna trong tay Đức Thầy Cả Vít Vô khấn hứa cùng Đức Chúa Trời giữ mình đồng trinh từ [nay] đến khi chết và ở cùng chị em làm mọi sự chung. » (*AMEP, tập 877, tr. 574*). Đó là lễ khấn đầu tiên của dòng Mến Thánh Giá tại Đàng Trong.

Đức cha Lambert đã không thể tới An Chi, vì vậy bà quả phụ Lucia Kí và vài nữ tu tới Bàu Tây thăm ngài. Sau đó, ngài rời Bàu Tây tới thăm giáo xứ Chu Mê, rồi trở lại Hội An. Ở đây, ngài phải chứng kiến cảnh các giáo dân bị bách hại rất thương tâm. Tìm hiểu sự việc, ngài biết rằng cha Acosta dòng Tên đã đút lót để lính tráng làm điều hung bạo đó. Do vậy, ngài quyết định lên triều đình Huế lần thứ hai vì muốn biết thái độ của triều đình đối với đạo công giáo. Chiều ngày 16.01.1676, ngài được quan phò mã tiếp kiến, hai hôm sau, ngài được đàm đạo riêng với con trai cả của chúa Nguyễn, cha Vachet làm thông dịch viên. Nói chung, Đức cha Lambert có uy tín và tạo được thiện cảm không những với chúa Nguyễn, mà còn với các quan nữa. Nhờ vậy, ngài thoát được những nguy hiểm mà chính người công giáo thuộc chế độ bảo trợ truyền giáo Bồ Đào Nha gây ra như chúng ta sẽ thấy.

Các kẻ theo chế độ bảo trợ truyền giáo Bồ Đào Nha đã tố cáo lên triều đình ba tội rất nặng của ngài : Năm 1669, ngài đã đi xứ Đàng Ngoài là xứ thù địch của triều đình nhà Nguyễn. Năm 1671, ngài đã lén lút vào xứ Đàng Trong mà không có phép của triều đình. Hơn nữa, khi ngài lén lút ra khỏi Đàng Trong, ngài đã dẫn sang Xiêm La một số thiếu nhi là thần dân của chúa Nguyễn.

Bên cạnh đó, « cha giám tỉnh Cardozo dòng Tên đã từ Macao sang Đàng Trong [...] tìm cách cáo tội với nhà vua [...] về vị giám mục người Pháp, đã ở Đàng Ngoài và từ xứ đó lên vào Đàng Trong, rồi bắt cóc các thần dân sang Xiêm La. Những cáo buộc này là những trọng tội mà ở Đàng Trong đáng phải chịu hình phạt nặng nề nhất. » (AMEP, tập 857, tr. 377-380).

Thực ra, chính cha Cardozo khi tới Đàng Trong cũng không có phép của triều đình chúa Nguyễn, cha còn ở lại đây dưới y phục thường dân. Nhân cơ hội này, cha Courtaulin cũng đưa ra ý kiến cáo tội các cha Cardozo, Candone và Acosta đang ở lên lút và nguy trang tại Đàng Trong, để chấm dứt tình trạng chia rẽ trong giáo phận. Thế nhưng Đức cha Lambert đã không đồng ý với ý kiến này. Câu chuyện trên được Đức cha kể trong lá thư gửi về Paris cho cha Brisacier, ngài giải thích :

« Lúc đó, nếu tôi muốn cho bắt giữ cha giám tỉnh, điều này nằm trong khả năng của tôi, tôi chỉ cần nói một tiếng với vị quan bộ trưởng là con rể của nhà vua và với ông quan trấn thủ là những người đang tìm dịp làm vui lòng tôi. Nhưng sau khi quỳ dưới chân tượng Thánh Giá, tôi không nghĩ tới việc nào khác hơn là theo những lời khuyên dạy của Phúc Âm và phó thác chuyện này theo sự hướng dẫn của Thiên Chúa. » (AMEP, tập 858, tr. 361).

Trong thời gian ở Huế, Đức cha Lambert đã trừ quỷ cho chị Matta, vợ anh Phaolô thợ kim hoàn. Quỷ cho biết nó tên Lucifer, nó và mười quỷ khác đã ở trong chị suốt 13 năm qua. Mấy ngày sau, ngài cầu nguyện chữa bệnh cho bé Phêrô mới sinh được bốn tháng. Rồi Huế, Đức cha về Hội An. Ngày 21.03, ngài truyền chức linh mục cho thầy Louis Đoàn (68 tuổi), một nhà nho lỗi lạc. Cuối tháng 03, ngài lên thuyền đi Nha Trang. Ngày 22.04, thuyền ra khơi về Xiêm La.

18, Những năm cuối đời.

Ngày 10.05, Đức cha Lambert gặp Đức cha Laneau tại Băng Cốc. Ngày 12.05, « hai đức cha cùng về ngôi nhà của các ngài tại Ayutthaya. [...] Các thừa sai và các chủng sinh ra tận bên bờ đón các ngài, và sau đó cùng vào nhà thờ hát kinh *Te Deum* tạ ơn Thiên Chúa. » (AMEP, tập 877, tr. 585).

Cuối năm 1676, Đức cha tạm rời chủng viện Thánh Giuse đi tĩnh tâm 40 ngày tại giáo xứ Đức Mẹ Vô Nhiễm ở Băng Cốc. Sau đó, ngài làm tuần cửu nhật cầu xin ơn trở lại cho vua Phra-Narai (nhưng vua đã không bao giờ trở lại đạo).

Ngày 18.07.1677, tại Ayutthaya, ngài truyền chức linh mục cho hai thầy giảng người Đàng Ngoài mới được gửi sang Xiêm La, thầy Philipê Trà và thầy Đôminicô Hào. Hai vị này cũng là hai người cuối cùng được nhận chức thánh từ tay Đức cha Lambert. Tổng cộng lại, Đức cha đã truyền chức linh mục cho 15 thầy Việt Nam, gồm 11 thầy Đàng Ngoài và 4 thầy Đàng Trong. Nhân cơ hội này, ngài hỏi thăm tình hình và đời sống tu trì của sáu nhà dòng Mến Thánh Giá ở Đàng Ngoài mà con số các nữ tu đã lên đến 82 người.

Ngày 22 và 23 tháng 09, Đức cha Lambert và các thừa sai đang có mặt tại chủng viện Thánh Giuse đã bàn luận vấn đề do Đức cha Laneau đã đặt ra về áo cà sa của tu sĩ Phật giáo : Các thừa sai « có thể mặc áo của một nhà sư và rao giảng Phúc Âm trong y phục đó không ? », và có thể « để cho các nhà sư Xiêm La khi trở lại đạo vẫn được mặc bộ

áo này không ? » (*AMEP, tập 877, tr. 605*). Đức cha Lambert đã đồng ý trong cả hai trường hợp. (Theo sử gia Jean Guennou, từ ngày đó các thừa sai Pháp tại Xiêm La đã mặc áo cà sa mỗi khi họ thấy cần thiết).²

Vào những năm cuối đời, Đức cha Lambert đã để lại một tập nhật ký (*AMEP, tập 877*), những dòng cuối cùng trong tập nhật ký này đề ngày 15.08.1678, tức ngày lễ Đức Mẹ Lên Trời. Sau này, Đức cha Laneau thuật lại rằng :

« Vào ngày lễ Đức Mẹ Lên Trời, ngài bỗng bị một mụn nhọt [...] phát lên thành nấm khiến ngài phải chịu những cơn đau đớn dữ dội. Ngài phải chịu đựng chúng tới chữa trị bằng những thuốc thang cần thiết. Vua Xiêm La cho gửi tới ngài những thầy thuốc của vua. Họ cho ngài một lượng lớn những thuốc thang. Nhưng các thuốc ấy chẳng có tác dụng gì với ngài, ngược lại còn làm cho cơn bệnh nặng thêm. Sau đó, ngài bị sốt nóng lạnh, bị khát nước, phải đi tiểu không ngừng, điều này khiến người ta nghĩ rằng ngài không bị sạn. Nhưng lúc ngài chết rồi, chúng tôi mới tìm ra được ba hòn sạn lớn dính với nhau [...]. Người ta còn thấy bàng quang của ngài đã hoàn toàn hư hoại và lở loét, một trong hai quả thận sưng lớn như nắm tay với một mụn nhọt đã bể ra [...].

Thật là xót xa khi nghe những tiếng kêu rên của ngài lúc cơn đau nổi lên, gần như từng khắc đồng hồ hay nửa giờ một. Ngài thường bảo rằng tất cả sự ấy chẳng là gì hết so với sự buồn phiền và cay đắng ngập trong linh hồn ngài, bởi vì Thiên Chúa đã cất hết mọi sự an ủi nội tâm nơi ngài, chỉ còn lại một tia sáng nhỏ nhoi, mà tôi không biết là ánh sáng gì, đã không để ngài tuyệt vọng. [...] Lời thường xuyên trên miệng ngài luôn là : « *Auge dolorem, auge patientiam* » (nghĩa là « Xin thêm nỗi đau khổ, xin thêm lòng kiên nhẫn »). »³

19, Từ trần.

Sau nhiều ngày tháng đau đớn bởi cơn bệnh, Đức cha Lambert đã trút hơi thở cuối cùng lúc 04 giờ sáng ngày 15.06.1679 tại chủng viện Thánh Giuse ở Ayutthaya.

« Tin Đức cha qua đời nhanh chóng lan rộng khắp nơi. Nhờ dịp này mà bao ganh tỵ, oán ghét và đố kỵ hình như biến mất, ít nữa là trong một thời gian. Bởi vì từ trại người Bồ Đào Nha, các tu sĩ, linh mục và những bậc vị vọng nhất của quốc gia này đều đến chủng viện. Người ta thấy đổ về đây nào là người Nhật, người Hoà Lan, người Anh, người Pháp, người Armenia, người Hồi giáo và người Xiêm La. Nhà vua cũng phải đến đó các quan lớn của triều đình. Cả các hoà thượng Phật giáo và các nhân vật thế giá cũng đều đến tiễn biệt con người lừng lẫy đã quá cố này, có thể nói được đám tang của Đức cha như một cuộc khai hoàn hơn là một cuộc an táng. »⁴

Trong di chúc để lại, Đức cha Lambert nói :

« Tôi ao ước sống và chết trong niềm tin của Hội Thánh công giáo, tông truyền và Rôma với sự vâng phục trọn vẹn Đức Thánh Cha.

² Xem Jean GUENNOU, *Missions Étrangères de Paris*, Paris, Fayard, 1986, tr. 191-192.

³ Adrien LAUNAY, *Histoire de la Mission de Siam. Documents historiques, tome I : 1657-1811*, Paris, Téqui, 1920, tr. 73-74.

⁴ Bénigne VACHET, *Chuyện Đức Cha Lambert*, in lần thứ 4, 2013, tr. 85.

Tôi lưu lại cho nhà thờ các cha dòng Tên ở Macao, tượng Thánh Giá mà bào đệ của tôi đã trối lại cho tôi mấy ngày trước khi qua đời, để chứng tỏ tình cảm của tôi dành cho quý cha.

Tôi trao lại tất cả tài sản thuộc về tôi lúc tôi từ trần, để dùng vào việc thiết lập và duy trì chủng viện của giáo phận tông tòa Đàng Trong, và việc chăm sóc các kẻ ngoại đàng học đạo, các tín hữu và các chủng sinh. » (AMEP, tập 8, tr. 150).

&

Nói về Đức cha Lambert, Đức cha Pallu đã viết : « Một ai khác hơn Đức cha Béryste thì hẳn đã ngã quy trong nhiệm vụ rồi [...]. Tất cả những ai biết Đức cha Béryste thì đều biết rằng khó mà tìm ra được một người nào thích hợp hơn ngài đối với công việc mà ngài thực hiện. »⁵

Đức cha Pallu có lòng yêu mến và kính phục Đức cha Lambert. Thực vậy, « những can thiệp đầu tiên của Lambert bên cạnh Pallu, lúc ở Rôma, khi Lambert không ngần ngại lấy tài sản của mình làm bảo chứng giúp cho cuộc thương lượng với Thánh Bộ được xúc tiến, đã làm cho người trẻ Pallu phải kinh ngạc. Những thái độ và những sáng kiến của Lambert sau này sẽ còn làm cho Pallu luôn kinh ngạc và đôi khi lo ngại như : cách Lambert được đón tiếp tại triều đình Ayutthaya, sự phản đối không nhân nhượng của ngài với các cha dòng Tên và những tu sĩ khác thuộc ảnh hưởng Bồ Đào Nha, những chuyến đi của ngài tới xứ Đàng Trong và Đàng Ngoài, những lễ truyền chức đầu tiên của ngài cho các linh mục bản xứ [...], việc ngài thành lập một hội dòng nữ, sự nâng đỡ của ngài trong công cuộc hội nhập đạo công giáo vào bối cảnh Xiêm La, v.v.

Nhà thần bí Lambert không phải là một người thụ động hay rụt rè sợ sệt. Ngược lại, những suy niệm lâu giờ của ngài đã diễn ra thành những « thị kiến » khích lệ hành động và thực hiện những công trình mới mẻ. Đó là điều chỉnh phục kẻ khác trong cái táo bạo và năng động của Lambert. Có lẽ, chúng được sinh ra không phải từ tính ham hoạt động hình thức, nhưng từ một việc cầu nguyện, một trạng thái chiêm niệm, một sự khổ hạnh gần như thường xuyên, một tư thế siêu thoát khỏi trần tục và một sự thân mật gần gũi với Thiên Chúa và Đức Giêsu Kitô. Lambert là như thế, không thể chối cãi được, nếu ngài không phải là một vị thánh thì ít nữa cũng là một gương sáng đạo đức cho Pallu. »⁶

Tâm tình kính phục của Đức cha Pallu đối với Đức cha Lambert có lẽ cũng là tâm tình của nhiều người đối với vị giám mục đầu tiên của Đàng Trong : Nếu ngài không phải là một vị thánh thì ít nữa cũng là một gương sáng đạo đức cho chúng ta.

<>

⁵ Adrien LAUNAY, *Histoire Générale de la Société des Missions Étrangères*, tome 1, Paris, Téqui, 1894, tr. 253.

⁶ Alain FOREST, *Les missionnaires français au Tonkin et au Siam, XVII^e - XVIII^e siècles*, livre 1, Paris, l'Harmattan, 1998, tr. 55-61.